CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa

Ngày 30/09/2025	19,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**9.7%**	**-3.2%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,645 - 21,524
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,258
Số lượng CPLH (CP)	65,007,857
KLGD BQ 20 phiên (CP)	163,410
Sở hữu nước ngoài	17.2%
Beta	0.89
EPS	2,876
P/E	6.7

DT thuần
Q3/25
38.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.70| 7.6%
YoY: ▼1.90| -4.6%

LN thuần
Q3/25
34.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼54.1| -60.9%
YoY: ▲ 9.30| 36.4%

LN sau thuế
Q3/25
29.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼42.1| -59.2%
YoY: ▲ 8.70| 42.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
89.8%
YoY: +/-▼ 157%

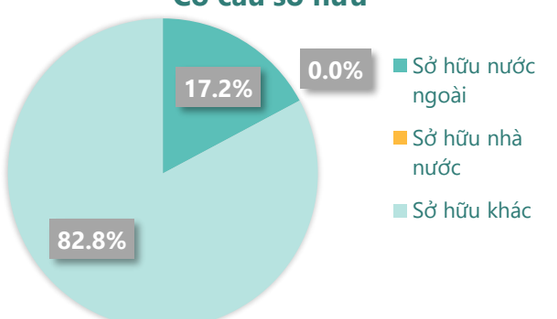
ROE (TTM)
Q3/25
10.2%
YoY: +/-▲ 0.6%

DT thuần
9T 2025
108
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.0| -9.6%

LN thuần
9T 2025
148
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00| 3.2%

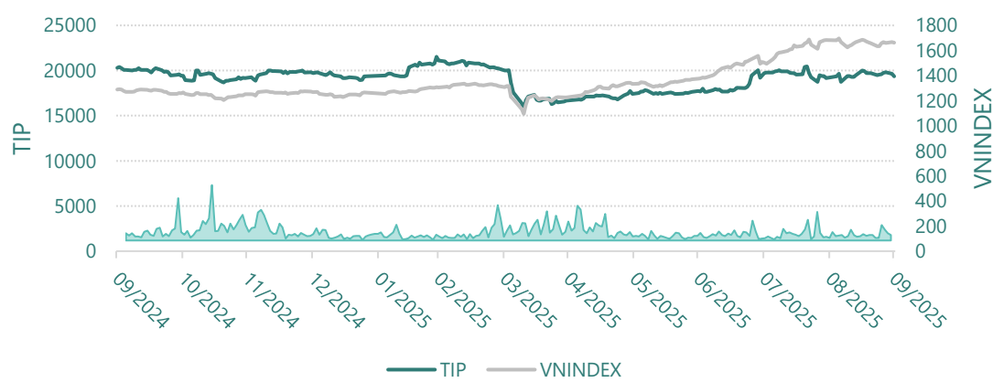
LN sau thuế
9T 2025
120
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00| 3.2%

Cơ cấu sở hữu

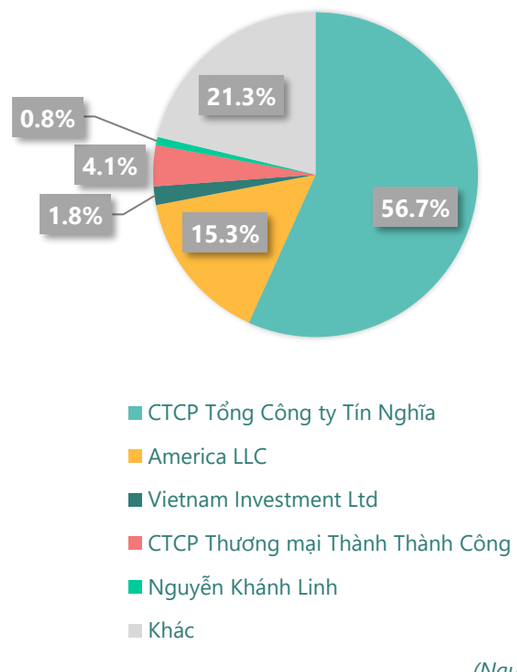


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

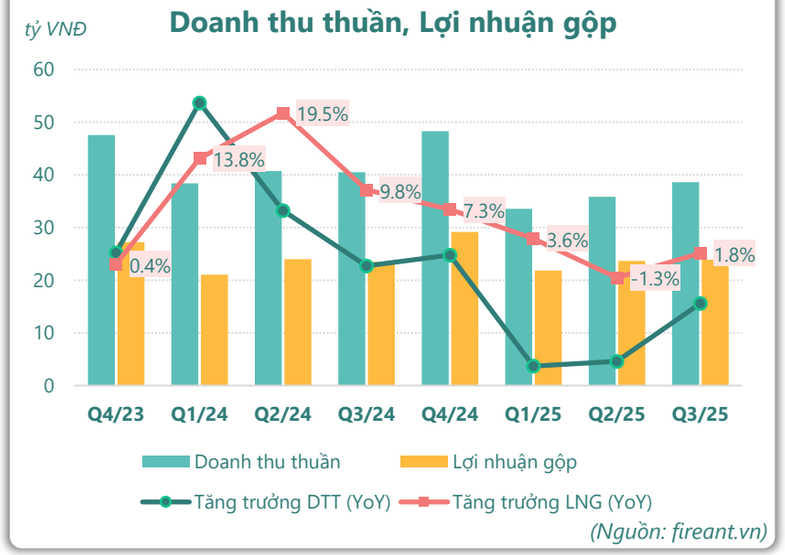


Cơ cấu cổ đông

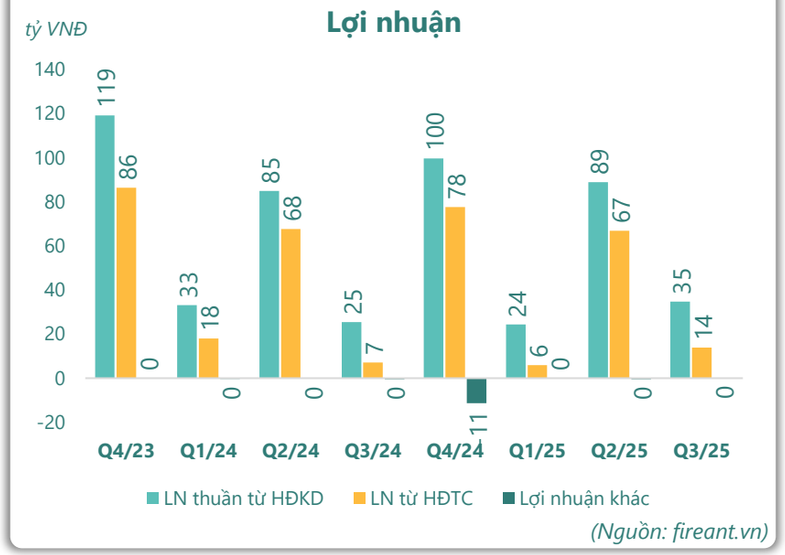


(Nguồn: fireant.vn)

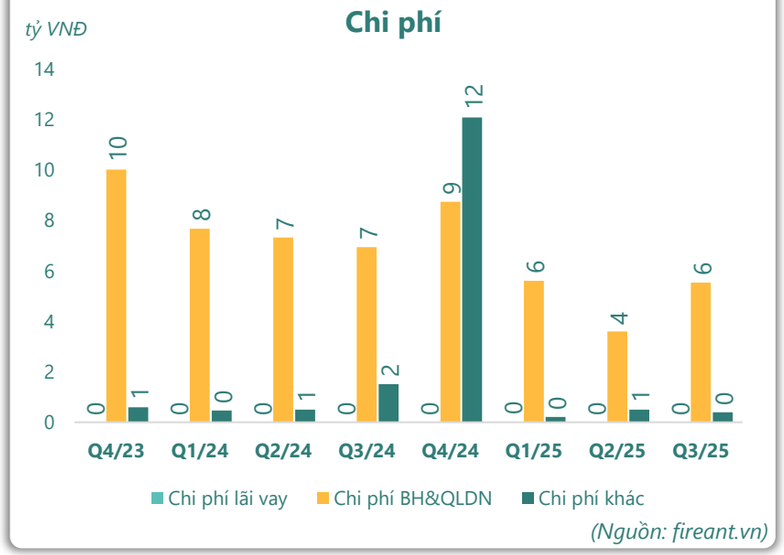
KẾT QUẢ KINH DOANH



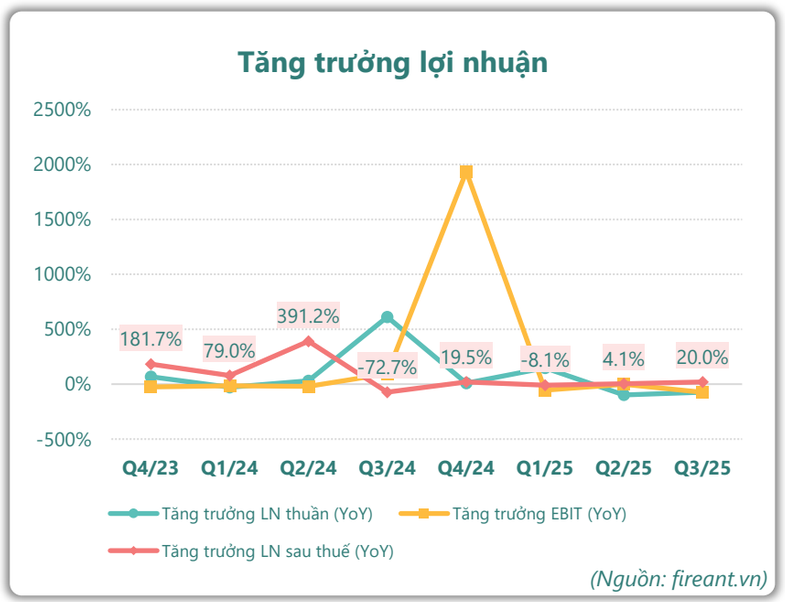
(Nguồn: fireant.vn)



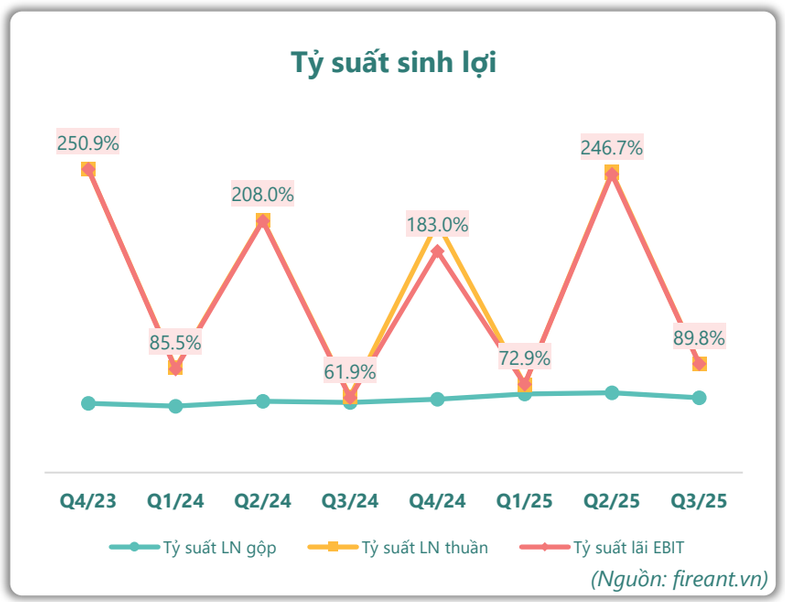
(Nguồn: fireant.vn)



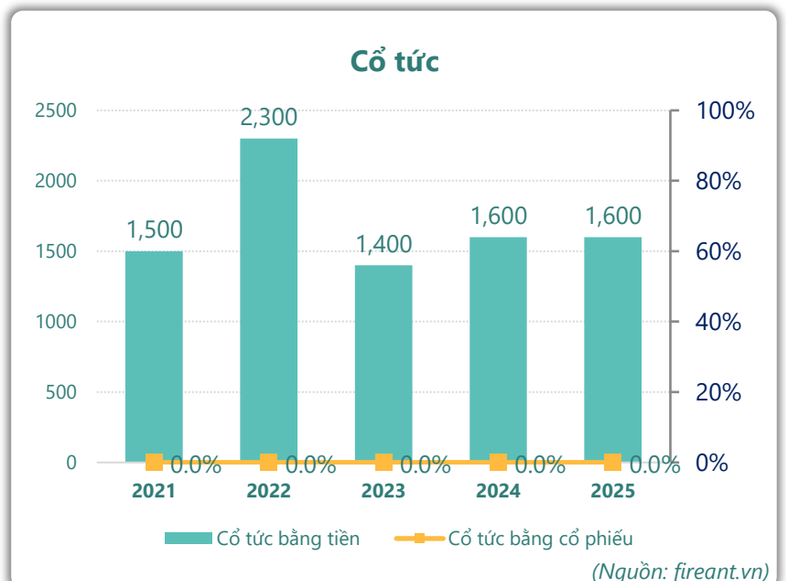
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



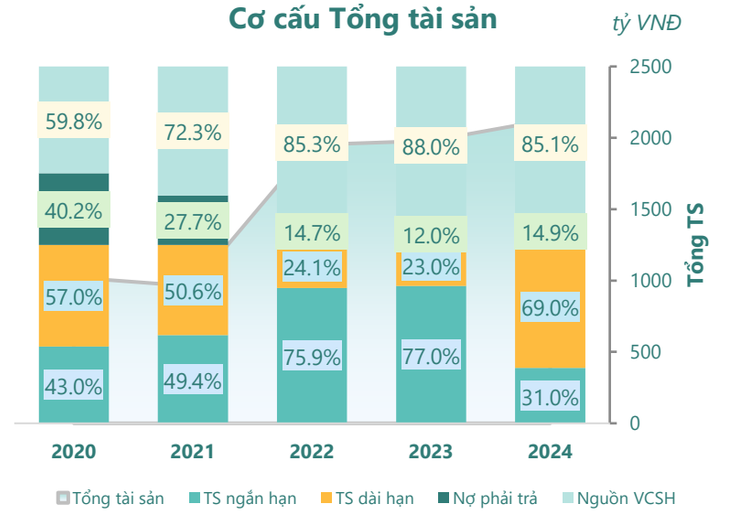
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

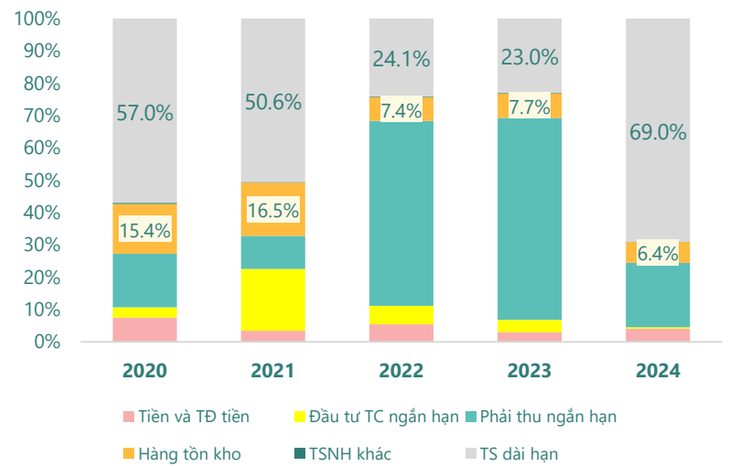
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



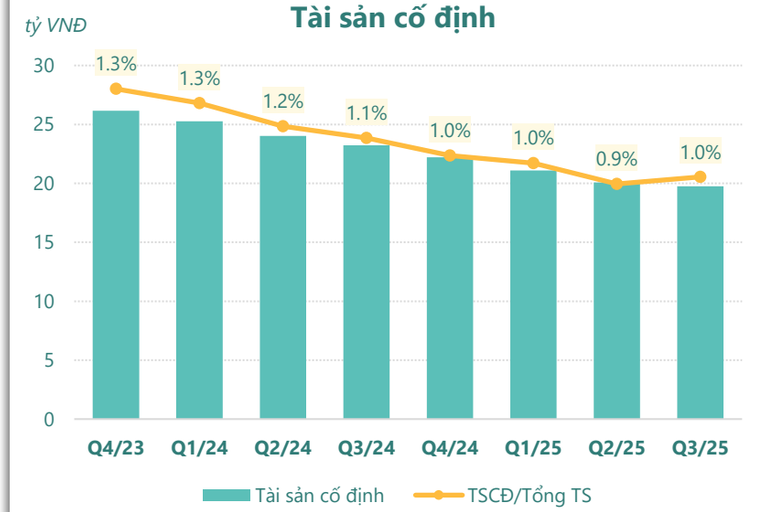
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



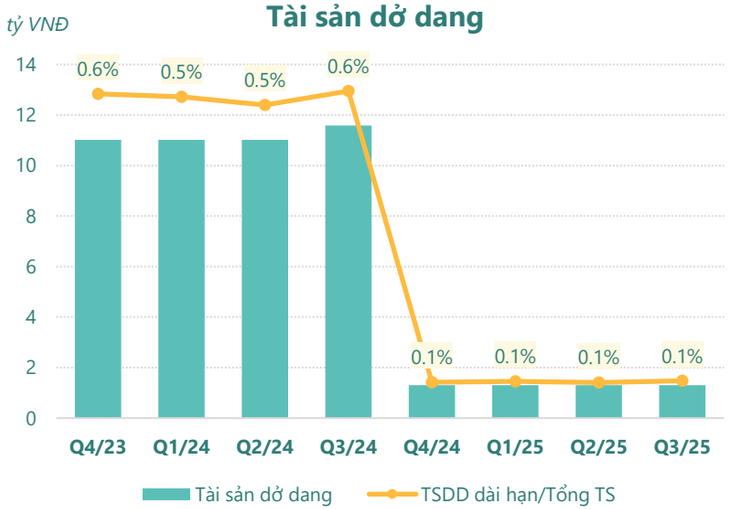
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



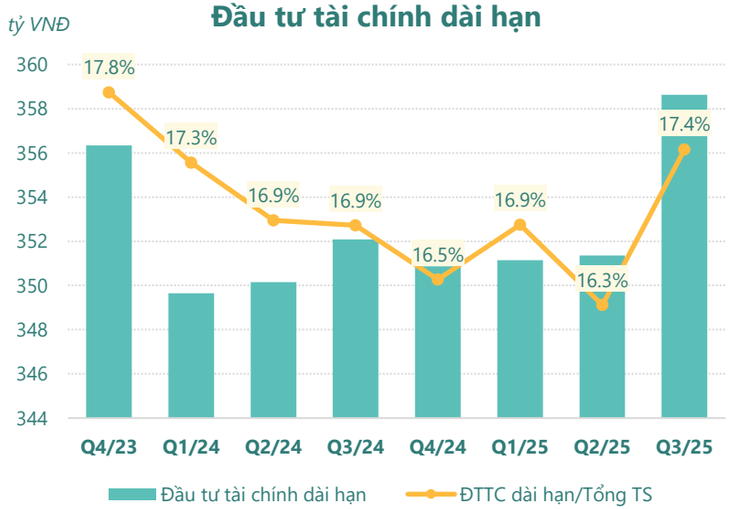
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



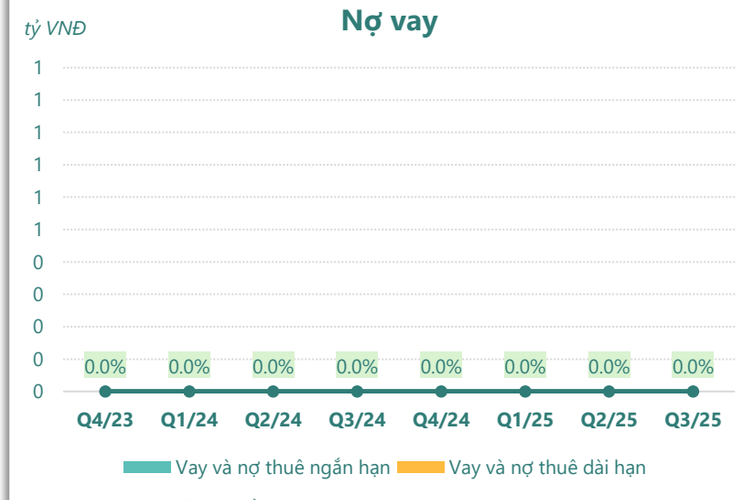
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

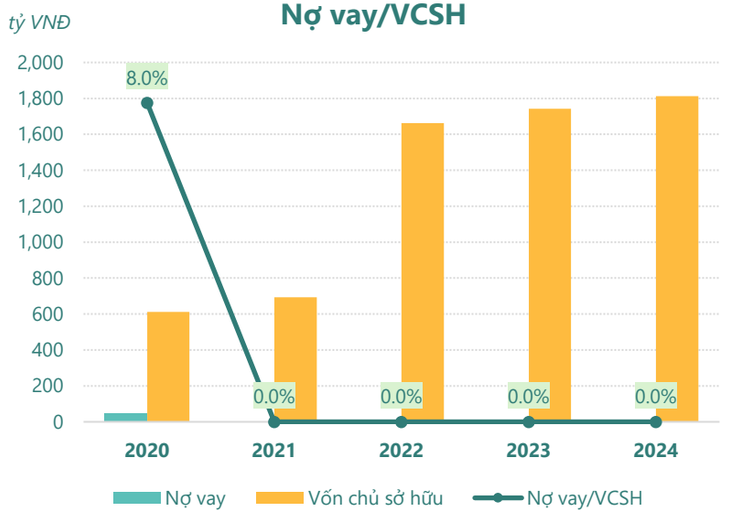
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

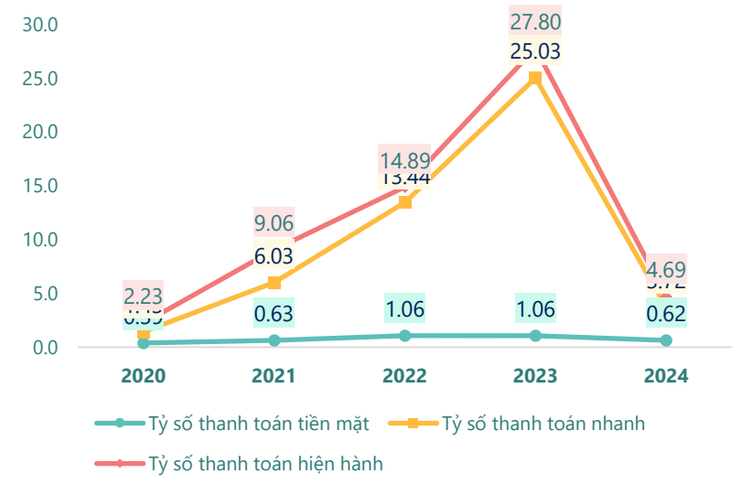
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



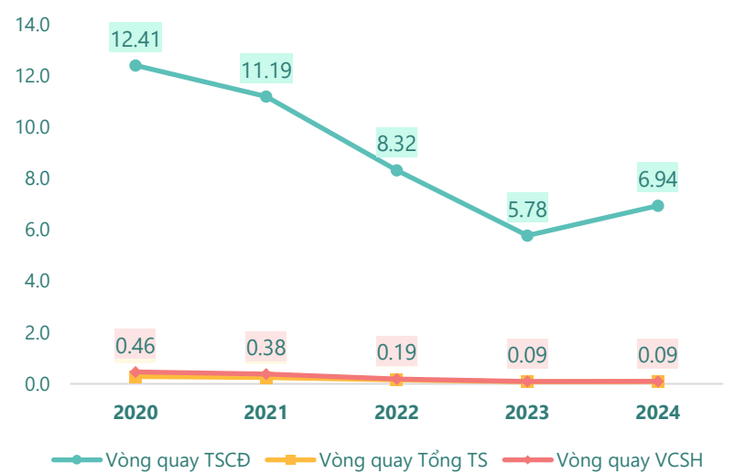
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



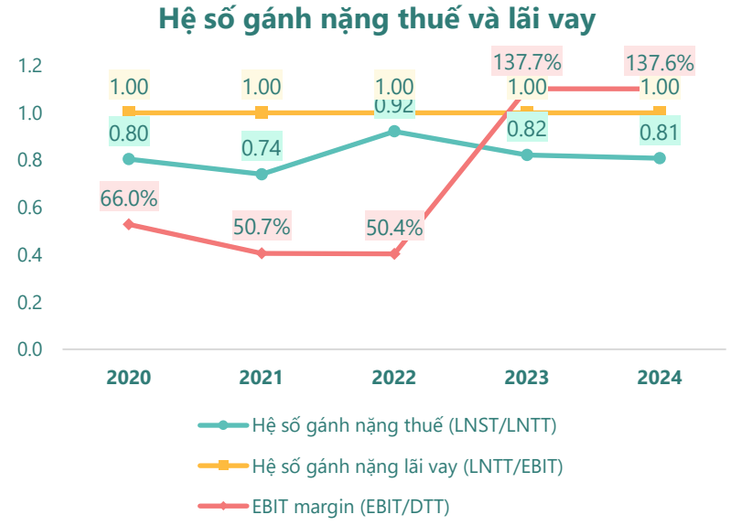
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



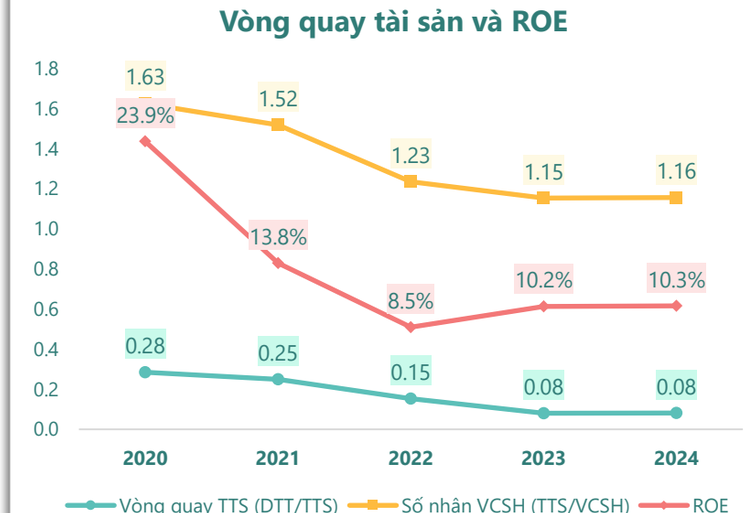
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



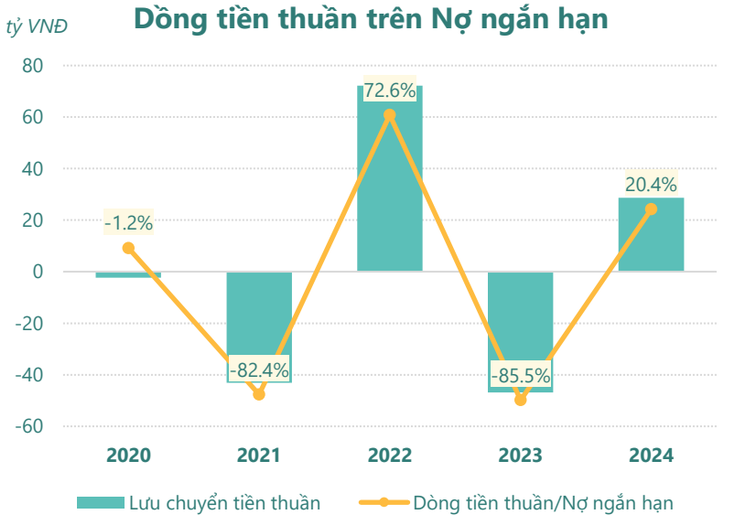
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**38.6**	**40.5**	**-4.6%**	**108**	**120**	**-9.6%**
Giá vốn hàng bán	14.7	17.0	-13.3%	38.7	51.1	-24.2%
Lợi nhuận gộp	23.9	23.5	1.7%	69.4	68.5	1.2%
Doanh thu HĐTC	9.17	7.00	31.0%	85.8	79.4	8.1%
Chi phí TC	-4.77	-0.11	-4237%	-0.90	-13.3	93.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.02	0	
LN trong công ty LKLD	**2.51**	**1.83**	**36.9%**	**6.80**	**4.28**	**58.9%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.54**	**6.95**	**-20.3%**	**14.8**	**22.0**	**-32.8%**
LN thuần từ HĐKD	34.8	25.5	36.4%	148	144	3.2%
Lợi nhuận khác	**-0.08**	**-0.39**	**79.4%**	**-0.50**	**-0.98**	**48.4%**
LN trước thuế	34.7	25.1	38.3%	148	143	3.5%
Lợi nhuận sau thuế	**29.0**	**20.3**	**42.8%**	**120**	**116**	**3.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.1**	**19.2**	**46.3%**	**118**	**114**	**3.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-66.4	40.6	42.5	34.0	11.2	-2.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	48.5	-15.6	-25.4	4.32	11.5	61.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.5	0	0	-87.0	0	-104
Tiền đầu kỳ	82.4	45.0	70.0	87.1	38.4	61.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-37.4**	**25.0**	**17.1**	**-48.7**	**22.7**	**-45.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	45.0	70.0	87.1	38.4	61.2	16.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,061**	**2,129**	**-3.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,620	660	145%
Tiền và tương đương tiền	16.1	87.1	-81.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.90	9.30	-47.3%
Phải thu ngắn hạn	1,466	424	246%
Hàng tồn kho	129	137	-5.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.04	2.59	17.6%
Tài sản dài hạn	**442**	**1,469**	**-69.9%**
Phải thu dài hạn	0.05	1,033	-100.0%
Tài sản cố định	19.8	22.2	-11.0%
Bất động sản đầu tư	27.5	26.0	5.7%
Tài sản dở dang	1.30	1.30	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	359	351	2.2%
Tài sản dài hạn khác	**34.4**	**35.8**	**-3.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	237	317	-25.2%
Nợ ngắn hạn	**65.1**	**141**	**-53.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.92	3.40	-14.2%
Nợ dài hạn	172	176	-2.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,824**	**1,812**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,824**	**1,812**	**0.7%**
Vốn điều lệ	650	650	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)